

Chương V. YÊU CẦU VÀ CHỈ DẪN KỸ THUẬT GÓI THẦU

I. Giới thiệu chung về dự án và gói thầu

1. Giới thiệu chung về dự án

1.1. Dự án:

- Tên dự án: Xây dựng, cải tạo trụ sở UBND xã Bình Phú.
- Chủ đầu tư: Ban quản lý Dự án đầu tư – hạ tầng xã Tây Phương.
- Nguồn vốn: Ngân sách xã

1.2. Địa điểm: Xã Tây Phương, thành phố Hà Nội

1.3. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

1.3.1. Quy mô thiết kế:

- Nhà làm việc 02 tầng 16 phòng: Cải tạo các phòng làm việc; trát vữa tường; sơn lại toàn bộ nhà; lát lại nền nhà; thay mới hệ thống cửa đi và cửa sổ; chống mối; chống thấm mái.

- Nhà. làm việc 02 tầng 14 phòng: Trát vữa tường; sơn lại toàn bộ nhà; lát lại nền nhà; thay mới hệ thống cửa đi và cửa sổ; cải tạo phòng họp thành phòng làm việc; chống mối; chống thấm mái.

- Cải tạo nhà Hội trường: Sơn lại toàn bộ nhà; trát vữa tường; cải tạo hệ thống điện; làm trần nhôm thả; thay mới hệ thống cửa đi và cửa sổ; làm vách nhựa giả gỗ; lát nền nhà; sửa chữa hệ thống tiêu âm; thay mới mái tôn.

- Các hạng mục phụ trợ: Nhà xe, sân, bồn hoa, vệ sinh,...

- Mua sắm, lắp đặt thiết bị đáp ứng nhu cầu sử dụng.

1.3.2. Giải pháp thiết kế

a. Nhà làm việc 2 tầng 14 phòng: Cải tạo 01 phòng làm việc tầng 2, thay mới cửa sổ, cửa đi bằng cửa nhôm hệ; thay mới hoa sắt cửa sổ.

b. Nhà làm việc 2 tầng 16 phòng:

Lát nền tầng 2 diện tích 98,3 m² gạch ceramic 400x400;

Bổ sung bậc tam cấp: Xây gạch mác 75, vữa lót xi măng mác 75 dày 20, mặt mũi bậc lát đá granit.

Cải tạo 02 phòng làm việc: Trần thạch cao; ốp tường, lát sàn; cải tạo hệ thống điện; lát sàn gạch ceramic 400x400;

Thay mới một số bộ cửa bằng cửa nhôm hệ.

c. Cải tạo nhà hội trường:

- Thay mới trần tấm nhôm 600x600. Thay mới cửa bằng cửa nhôm hệ. Sửa chữa, thay thế thiết bị điện. Cạo vệ sinh, trám vá, sơn lại toàn bộ nhà 1 nước lót 2 nước phủ. Đục lớp vữa láng sê nô mái, vệ sinh sê nô mái chống thấm sê nô mái, láng lại sê nô mái VXM M75

e. Các hạng mục phụ trợ

- Cải tạo nhà bếp, phòng ăn: Thay mới trần tấm nhôm 600x600 diện tích 30,2m². Thay mới một số bộ cửa bằng cửa nhôm hệ. Sửa chữa, thay thế thiết bị điện. Cạo vệ sinh, trám vá, sơn trong nhà bếp, phòng ăn. Lát nền diện tích 15,8 m² gạch ceramic 400x400; ốp tường diện tích 16,5 m² gạch ceramic 300x600. Cạo vệ sinh, trám vá, sơn lại trong nhà bếp, phòng ăn 1 nước lót 2 nước phủ

- Cải tạo nhà thường trực: Cạo vệ sinh, trám vá, sơn lại toàn bộ nhà 1 nước lót 2 nước phủ. Thay mới một số bộ cửa bằng cửa nhôm hệ.

- Nhà để xe : Móng BTCT đá 1x2 mác 200, kích thước đài móng 0,5m X 0,5m sâu 0,8m so với cos +0.000. Nền lớp cát lót tạo phẳng dày 100, bê tông đá 1x2 mác 200 dày 100. Hệ thống cột, vì kèo, xà gồ được tổ hợp từ ống thép Ø90x3,0; ống Ø60x2,0; xà gồ C80x40x2.5, toàn bộ thép sơn chống rỉ 3 nước. Mái lợp tôn múi dày 0,45 ly.

- Sân: Đổ BTXM diện tích 220m² (bê tông đá 1x2 mác 200 dày 100mm, cách 4m có 1 khe co giãn). Thảm bê tông nhựa C12,5 diện tích 730m².

- Tường rào: Cải tạo Chiều dài 22,15 md. Tường xây gạch không nung vữa xi măng mác 75, trát vữa tường, dày 15mm. Toàn bộ tường được lăn sơn 1 nước lót 2 nước phủ. Cải tạo tường rào dài 36,47m được lăn sơn 1 nước lót 2 nước phủ; sơn lại hoa sắt tường rào

- Cổng: Sơn trụ cổng nước lót 2 nước phủ

- Bồn cây: Xây mới một số bồn cây gạch không nung vữa xi măng mác 75, trát vữa tường, dày 15 mm

f. Mua sắm, lắp đặt thiết bị đáp ứng nhu cầu sử dụng: Thiết bị âm thanh, loa đài, điều hòa, Micro,...

2. Giới thiệu chung về gói thầu

2.1. Giá gói thầu: 7.535.186.000 VNĐ (Trong đó: Chi phí dự phòng là: 685.017.000 VNĐ). Chi phí dự phòng chỉ được dùng trong trường hợp điều chỉnh, bổ sung bản vẽ thiết kế thi công ngoài bản vẽ thiết kế thi công đã được duyệt đính kèm HSMT này; Chi phí dự phòng chỉ được thanh toán trong các đợt thanh toán khi có điều chỉnh, bổ sung bản vẽ thi công nêu trên và được Chủ đầu tư phê duyệt. Nhà thầu chào thầu trong đó đã bao gồm dự phòng phí cho khối lượng phát sinh hòa vào đơn giá.

2.3. Thời hạn hoàn thành: Trong vòng 120 ngày (kể cả ngày nghỉ, ngày lễ, tết được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực và Bên A bàn giao mặt bằng cho bên B. (ngày tính liên tục kể cả ngày nghỉ, ngày lễ) đến nghiệm thu bàn giao đưa dự án vào sử dụng.

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

1. Yêu cầu về tiến độ chung của dự án

Trong vòng 120 ngày (kể cả ngày nghỉ, ngày lễ, tết được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực Bên A bàn giao mặt bằng cho bên B. (ngày tính liên tục kể cả ngày nghỉ, ngày lễ) đến nghiệm thu bàn giao đưa hệ thống thiết bị vào sử dụng.

2. Yêu cầu tiến độ của gói thầu và các mốc tiến độ

Phần này cung cấp yêu cầu chi tiết tiến độ yêu cầu cho gói thầu PC này với nội dung chi tiết và các mốc thời gian quan trọng liên quan đến nghiệm thu, chuyển tiếp và đồng bộ với các công tác khác của dự án cũng như các mốc thời gian làm cơ sở xác định việc thưởng phạt tiến độ trong hợp đồng.

Các mốc tiến độ quan trọng yêu cầu kê trong bảng sau:

TT	Hạng mục công việc	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành
1			
2			
...			

III. Yêu cầu về kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật

1. Yêu cầu về kỹ thuật, Chỉ dẫn kỹ thuật

Yêu cầu về mặt kỹ thuật

Bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Các quy định, quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình;
- Các yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát;
- Các yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, thiết bị (kèm theo các tiêu chuẩn về phương pháp thử);
- Các yêu cầu về trình tự thi công, lắp đặt;
- Các yêu cầu về vận hành thử nghiệm, an toàn;
- Các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ;
- Các yêu cầu về vệ sinh môi trường;
- Các yêu cầu về an toàn lao động;

- Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công;
- Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công tổng thể và các hạng mục;
- Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu;

Công trình phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về XDCHB (xây dựng cơ bản). Cán bộ kỹ thuật phải có mặt thường xuyên ở công trình để quản lý, giám sát, kiểm tra, nếu có các vấn đề phát sinh phải báo Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát để cùng tư vấn thiết kế xem xét và có biện pháp xử lý.

Nhà thầu sẽ phải đảm bảo phần công việc của mình theo hồ sơ thiết kế. Giá thầu cho các công việc bao gồm tất cả các chi phí theo quy định của Nhà nước để thực hiện đảm bảo các điều kiện nghiêm ngặt về chất lượng công trình đã được Nhà nước quy định.

1. Quy trình, quy phạm cho việc thi công nghiệm thu công trình

Quy định kỹ thuật này yêu cầu nhà thầu phải thực hiện bắt buộc và là một phần của hợp đồng. Trong trường hợp có những quy định thay thế thì phải thực hiện theo quy định thay thế đó.

Ngoài những chi tiết ghi chú thuyết minh trên bản vẽ hồ sơ thiết kế kỹ thuật, hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và trên các văn bản viết, nhà thầu phải tuân thủ các Quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy trình quy phạm chuyên ngành có liên quan.

Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình.

Thông tư 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021 của Bộ xây dựng. Hướng dẫn một số điều và thi hành Nghị định 06/2021/NĐ-CP và Nghị định 44/2016/NĐ-CP của Chính phủ quản lý thi công xây dựng.

- QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;
- QCVN 02:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng;
- QCVN 03:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nguyên tắc phân loại, phân cấp công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- QCVN 05:2008/BXD Quy chuẩn xây dựng Việt Nam về Nhà ở và công trình công cộng – An toàn sinh mạng và sức khỏe;
- QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình;
- QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Các công trình hạ tầng kỹ thuật;
- QCVN QTD 8:2010/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kỹ thuật điện;
- QCVN 10:2014/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng;

- QCVN 12:2014/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống điện nhà ở và nhà công cộng;
- QCVN 13:2018/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ga ra ô tô;
- QCVN 14:2021/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;
- QCVN 17:2018/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Xây dựng, lắp đặt phương tiện quảng cáo ngoài trời;
- QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn và rung động;
- QCVN 33:2011/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông;
- TCVN 7957:2023 Quy chuẩn cấp thoát nước trong nhà và các công trình;
- QCVN 2015/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện;
- TCVN 4319:2012 - Nhà và Công trình công cộng - nguyên tắc cơ bản để thiết kế;
- TCXDVN 306:2004 - Nhà ở và công trình công cộng - Các thông số vi khí hậu trong phòng;
- TCXDVN 265:2002 - Đường và hè phố - Nguyên tắc cơ bản xây dựng công trình để đảm bảo người tàn tật tiếp cận sử dụng;
- TCXDVN 266:2002 - Nhà ở - Hướng dẫn xây dựng để đảm bảo người tàn tật tiếp cận sử dụng
- TCVN 9359:2012 - Nền nhà chống nồm - Thiết kế và thi công
- TCVN 9258:2012 - Chống nóng cho nhà ở - Hướng dẫn thiết kế;
- TCXDVN 367:2006 - Vật liệu chống thấm trong xây dựng - Phân loại;
- TCVN 9366-1:2012 - Cửa đi, cửa sổ - Phần 1 - Cửa gỗ;
- TCVN 9366-2:2012 - Cửa đi, cửa sổ - Phần 2 - Cửa kim loại;
- TCVN 7368:2012 - Kính xây dựng – Kính dán an toàn nhiều lớp – Phương pháp thử độ bền va đập;
- TCVN 7505:2005 - Quy phạm sử dụng kính trong xây dựng - Lựa chọn và lắp đặt;
- TCVN 8256:2009 - Tấm thạch cao - Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 9404:2012 - Sơn xây dựng - Phân loại;
- TCVN 8652:2012 - Sơn tường dạng nhũ tương - Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 92541:2012, ISO 6706-1:2004 - Nhà và công trình dân dụng – Từ vựng – Phần 1: Thuật ngữ chung;

- TCVN 9255:2012, ISO 9836:2011 - Tiêu chuẩn tính năng trong tòa nhà - Định nghĩa, phương pháp tính các chỉ số diện tích và không gian;

- TCVN 5568:2012 - Điều hợp kích thước theo mô đun trong xây dựng - Nguyên tắc cơ bản;

- TCVN 9256:2012 - Lập hồ sơ kỹ thuật – từ vựng – thuật ngữ liên quan đến bản vẽ kỹ thuật – Thuật ngữ chung và các dạng bản vẽ;

- TCVN 4614:2012 - Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng – Ký hiệu quy ước các bộ phận cấu tạo ngôi nhà;

- TCVN 5671:2012 - Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng – Hồ sơ thiết kế kiến trúc;

- Thông tư số 13/2017/TT-BXD ngày 08/12/2017 của BXD quy định sử dụng vật liệu không nung trong các công trình xây dựng;

- Thông tư 03/2020/TT-BXD quy định về hồ sơ thiết kế kiến trúc và mẫu chứng chỉ hành nghề kiến trúc.

- TCVN 2737-2023: Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 5574-2018: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 5575-2024: Kết cấu thép – Tiêu chuẩn thiết kế

- TCVN 1651-1:2018: Thép cốt bê tông – Phần 1: Thép thanh tròn trơn

- TCVN 1651-2:2018: Thép cốt bê tông – Phần 2: Thép thanh vân

- TCVN 9362-2012: Nền nhà và công trình – Tiêu chuẩn thiết kế

- TCVN 9386-2012: Thiết kế công trình chống động đất

- QCVN 02:2022/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng.

- QCVN 03:2022/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp công trình phục vụ thiết kế xây dựng.

- QCVN 06:2022/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia an toàn cháy cho nhà và công trình.

- TT 06/2021/TT-BXD Thông tư quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng

- TCVN 4419:1987: Khảo sát xây dựng-Nguyên tắc cơ bản

- TCVN 9363:2012: Khoan khảo sát cho xây dựng-Khảo sát địa chất cho nhà cao tầng.

- Quy phạm trang bị điện phần I, II, III, IV – 11 TCN-18-2006

- TCVN 9206: 2012 Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng – Tiêu chuẩn thiết kế

- TCVN 9207: 2012 Đặt đường dây dẫn trong nhà ở và công trình công cộng – Tiêu chuẩn thiết kế
- TCVN 3890 – 2009 Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình – trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng.
- TCVN 7114-1,3:2008 Chiều sáng nơi làm việc trong nhà, Chiều sáng an toàn và bảo vệ ngoài nhà
- TCVN 9888-1:2013 Bảo vệ chống sét phần 1 – Nguyên tắc chung
- TCVN 9888-2:2013 Bảo vệ chống sét phần 2 – Quản lý rủi ro
- TCVN 9888-3:2013 Bảo vệ chống sét phần 3 – Thiệt hại vật chất đến kết cấu và nguy hiểm tính mạng.
- TCVN 9888-4:2013 Bảo vệ chống sét phần 4 – Hệ thống điện và điện tử bên trong kết cấu
- TCVN 9385:2012 Chống sét cho các công trình xây dựng – Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống
- TCVN 9358:2012 Lắp đặt hệ thống nối đất thiết bị cho các công trình công nghiệp
- TCVN 7447-1:2010 Hệ thống lắp đặt điện hạ áp - Phần 1 - Nguyên tắc cơ bản, đánh giá các đặc tính chung, định nghĩa;
- TCVN 7447-4-41:2010 Hệ thống lắp đặt điện hạ áp - Phần 4-41: Bảo vệ an toàn - Bảo vệ chống điện giật
- TCVN 7447-4-42:2005 Hệ thống lắp đặt điện của các tòa nhà - Phần 4-42: Bảo vệ an toàn - Bảo vệ chống các ảnh hưởng về nhiệt
- TCVN 7447-4-43:2010 Hệ thống lắp đặt điện hạ áp - Phần 4-43: Bảo vệ an toàn - Bảo vệ chống quá dòng
- TCVN 7447-4-44:2010 Hệ thống lắp đặt điện hạ áp - Phần 4-44: Bảo vệ an toàn - Bảo vệ chống nhiễu điện áp và nhiễu điện từ
- TCVN 7447-5-51:2010 Hệ thống lắp đặt điện hạ áp, Phần 5-51: Lựa chọn và lắp đặt thiết bị điện – Quy tắc chung
- TCVN 7447-5-53:2005 Hệ thống lắp đặt điện của các tòa nhà - Phần 5: 53: Lựa chọn và lắp đặt thiết bị điện – Cách ly, đóng cắt và điều khiển
- TCVN 7447-5-54:2005 Hệ thống lắp đặt điện của các tòa nhà, Phần 5-54: Lựa chọn và lắp đặt thiết bị điện - Bố trí nối đất – dây bảo vệ và dây liên kết bảo vệ;
- TCVN 7447-5-56:2011 Hệ thống lắp đặt điện hạ áp - Phần 5-56: Lựa chọn và lắp đặt thiết bị điện – Dịch vụ an toàn
- TCVN 10251:2013 Thiết kế, lắp đặt hệ thống cáp thông tin trong các tòa nhà - Yêu cầu kỹ thuật.

- TCVN 9373:2012 Thiết bị trong hệ thống phân phối cáp tín hiệu truyền hình - Yêu cầu về tương thích điện từ.
- TCVN 9250:2012 Trung tâm dữ liệu - Yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật viễn thông.
- TCVN 8697:2011 Mạng viễn thông - Cáp sợi đồng vào nhà thuê bao - Yêu cầu kỹ thuật.
- TCVN 6697-1:2000 Thiết bị hệ thống âm thanh - Phần 1- Quy định chung.
- TCVN 6697-5:2009 Thiết bị hệ thống âm thanh.
- TCVN 6697-5:2009 Thiết bị hệ thống âm thanh - Phần 5 - Loa.
- Tiêu chuẩn ngành từ TCN 68-136:1995 đến TCN 68-146:1995 về tổng đài điện tử.
- TCVN 5738 - 2001 yêu cầu về kỹ thuật của hệ thống báo cháy
- TCXD 218:1998 : Hệ thống phát hiện và báo động cháy
- TCVN 3991-2012 - Tiêu chuẩn PCCC trong thiết kế Xây Dựng- Thuật ngữ, định nghĩa.
- TCVN 3890-2009: Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình – Trang bị, bố trí, kiểm tra và bảo dưỡng.
- TCVN 5040 : 1990 : Thiết bị phòng cháy và chữa cháy- Ký hiệu hình vẽ nằm trên sơ đồ phòng cháy- yêu cầu kỹ thuật
- TCVN 8700-2011: Công, bể, hầm, hố, rãnh kỹ thuật và tủ đầu cáp viễn thông–Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 8699-2011: Ống nhựa dùng cho tuyến cáp ngầm - Yêu cầu kỹ thuật;
- Hệ thống cấp thoát nước
- TCVN 4474:1987 Thoát nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 4513:1988 Cấp nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 33:2006 Cấp nước bên ngoài công trình - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 7957:2023 Thoát nước bên ngoài công trình - Tiêu chuẩn thiết kế.
- QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Nước thải sinh hoạt.
- QCVN 01-1:2018/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia QCVN 07:2023/BXD – Các công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 38:2022/TCĐBVN: Áo đường mềm – Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;

- Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXDVN 13606: 2023 – Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình – Tiêu chuẩn thiết kế.

- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7957:2023 – Thoát nước – Mạng lưới và công trình bên ngoài – Tiêu chuẩn thiết kế.

- Quy phạm trang bị điện phần I, II, III, IV - 11 TCN - 19 - 2006;

- Nghị định 14/2014/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành Luật điện lực về an toàn điện.

- Các tiêu chuẩn Việt Nam có liên quan khác trong lĩnh vực bảo vệ môi trường sinh thái và cảnh quan

2. Yêu cầu chung về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát:

- Nhà thầu phải thi công và hoàn thiện công trình và sửa chữa bất kỳ sai sót nào trong công trình theo đúng thiết kế và tuân thủ các quy trình, quy phạm xây dựng hiện hành của Việt nam cũng như phù hợp với các điều kiện riêng của công trình và theo sự chỉ dẫn của cán bộ giám sát. Bên B phải tuân thủ và làm đúng các chỉ dẫn của cán bộ giám sát về mọi vấn đề có nêu hay không nêu trong hợp đồng.

- Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chất ổn định, an toàn của tất cả các hoạt động ở công trường trong suốt thời gian thi công, hoàn thiện công trình và trong giai đoạn bảo hành, bên B phải:

+ Quan tâm đầy đủ đến sức khỏe an toàn của người lao động trên công trường. Đảm bảo trật tự an toàn cho công trình không để xảy ra tình trạng nguy hiểm cho người lao động.

+ Bằng mọi biện pháp hợp lý, bên B phải bảo vệ môi trường ở trong và ngoài công trường nhằm tránh gây thiệt hại về tài sản và người ở công trường và khu vực lân cận.

- Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc bảo vệ công trình, nguyên vật liệu và máy móc thiết bị đưa vào sử dụng cho việc thi công công trình kể từ ngày khởi công công trình đến ngày cấp giấy chứng nhận nghiệm thu bàn giao công trình.

- Nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có xảy ra bất kỳ tổn thất hay hư hỏng nào đối với công trình, người lao động, nguyên vật liệu, máy móc thiết bị thì bên B phải tự sửa chữa, bồi thường bằng chính chi phí của mình.

- Cung cấp toàn bộ nguyên vật liệu đúng yêu cầu kỹ thuật theo thiết kế đưa vào thi công công trình.

- Tổ chức thực hiện thi công công trình đạt yêu cầu kỹ thuật và theo đúng thời hạn hoàn thành công trình đã nêu trong hồ sơ dự thầu được chấp thuận.

- Cung cấp những cán bộ lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật, trợ lý kỹ thuật lành nghề có kinh nghiệm và đủ năng lực đảm bảo thực hiện đúng đắn và đúng thời hạn nghĩa vụ của bên B theo hợp đồng.

- Giám sát theo dõi những khối lượng do mình thực hiện ở công trường trong thời gian thi công và ngay cả trong thời gian bảo hành công trình.

- Nếu bên A nhận thấy không thể chấp nhận những đại diện của bên B mà theo ý kiến của bên A người đó có hành vi sai phạm hoặc không có năng lực hay không thực hiện đúng dẫn nhiệm vụ thì bên B không được phép cho người đó làm việc ở công trường nữa và nên thay thế càng sớm càng tốt.

- Nhà thầu phải báo cáo các chi tiết về bất kỳ tai nạn, hư hỏng nào trong hoặc ngoài công trường. Trong trường hợp có tai nạn nghiêm trọng, hư hỏng hay chết người, bên B phải báo cáo ngay lập tức bằng các phương tiện nhanh nhất sẵn có.

- Sau khi thi công hoàn thiện công trình và trước khi nghiệm thu công trình, bên B phải thu dọn, san trả hiện trường và làm cho khu vực công trường được sạch sẽ.

- Nhà thầu chịu trách nhiệm lập đầy đủ hồ sơ hoàn công công trình theo đúng yêu cầu của bên A và các tiêu chuẩn nghiệm thu công trình.

- Ngoài ra nhà thầu phải tuân thủ đúng quy định hiện hành của nhà nước về việc tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát.

3. Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư:

- Tất cả các loại vật tư, vật liệu đưa vào thi công và lắp đặt cho công trình phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ. Yêu cầu phải có chứng nhận nguồn gốc xuất xứ của các loại vật tư, vật liệu. Các thiết bị phục vụ thi công phải là những thiết bị tốt, có công suất phù hợp và được kiểm nghiệm theo định kỳ. Chủng loại vật tư, vật liệu phải tuân thủ theo đúng hồ sơ thiết kế quy định và theo các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành, được nghiệm thu và thử nghiệm theo quy phạm quy định.

- Khi có yêu cầu, nhà thầu phải xuất trình hồ sơ lý lịch về vật tư, thiết bị mà nhà thầu sử dụng vào công trình.

- Một số mặt hàng cần có mẫu thử, nhà thầu phải tiến hành thử nghiệm tại nơi kiểm tra theo yêu cầu và có sự giám sát của phía chủ đầu tư.

- Những mặt hàng nào không đảm bảo theo yêu cầu về chất lượng, mẫu mã..., đều phải lập biên bản và đưa ra khỏi công trình trong thời gian không quá 24 giờ.

Các vật tư thiết bị này trong quá trình thi công không được phép thay đổi nếu chưa được phép của chủ đầu tư. Các vật tư; thiết bị dùng trong việc thi công công trình phải đảm bảo mới 100%; đảm bảo chất lượng và theo yêu cầu của thiết kế và tuân theo các yêu cầu sau:

TT	Tên vật tư, thiết bị, phần việc	Yêu cầu tối thiểu về tính năng, thông số kỹ thuật của vật tư, thiết bị	Tên vật tư, thiết bị phải kê khai trong Danh mục vật tư,
-----------	--	---	---

			thiết bị chào thầu (Mẫu số 20)
(1)	(2)	(3)	(4)
I	PHẦN XÂY DỰNG		
1.	Xi măng PC 30, 40	Xi măng sản xuất theo công nghệ lò quay, đảm bảo tiêu chuẩn hiện TCVN hiện hành còn hiệu lực	Nhà máy sản xuất tại khu vực lân cận
2.	Cát mịn	Dùng để xây trát, ốp lát. Cát đen là cát có màu sẫm, gần với màu đen, hạt mịn, sạch không lẫn tạp chất. Cấp phối và thành phần hóa học cụ thể thì theo tiêu chuẩn về cát Đảm bảo tiêu chuẩn TCVN hiện hành còn hiệu lực	- Cát mịn <i>ML 0,7-1,4</i> - Cát mịn <i>ML 1,5-2</i>
3.	Cát vàng	Dùng để đổ bê tông: màu vàng, cỡ hạt từ 1,5-3mm, không lẫn tạp chất. Có thành phần hóa học được quy định theo tiêu chuẩn Đảm bảo tiêu chuẩn TCVN hiện hành còn hiệu lực	- Cát vàng
4.	Đá dăm các loại	Đảm bảo làm cốt liệu cho bê tông đạt cường độ theo thiết kế. Đảm bảo tiêu chuẩn TCVN hiện hành còn hiệu lực	- Đá dăm 1x2 - Đá dăm 4x6
5.	Thép tròn (tròn trơn, vằn) các loại	Cường độ thép đạt các tiêu chuẩn thép AI; AII; AIII theo thiết kế Đảm bảo tiêu chuẩn TCVN hiện hành còn hiệu lực	Thép tròn (tròn trơn, vằn) các loại
6.	Thép hình, thép tấm các loại	Cường độ thép đạt các tiêu chuẩn thép AI; AII; AIII theo thiết kế Đảm bảo tiêu chuẩn TCVN hiện hành còn hiệu lực	Thép tròn (tròn trơn, vằn) các loại
7.	Gạch không nung	Gạch đạt mác chịu lực 75kg/cm ² . Đảm bảo tiêu chuẩn TCVN hiện hành còn hiệu lực	- Gạch không nung
8.	Gạch ốp, lát	- Thông số kỹ thuật, quy cách, màu sắc theo bản vẽ thiết kế; Đảm bảo tiêu chuẩn TCVN hiện hành còn hiệu lực	- Gạch ốp, lát Viglacera loại I hoặc tương đương

9.	Cửa đi, cửa sổ, vách kính	Thông số kỹ thuật, quy cách, màu sắc theo bản vẽ thiết kế; Đảm bảo tiêu chuẩn TCVN hiện hành còn hiệu lực	Cửa đi, cửa sổ, vách kính
10.	Cột pha	Đảm bảo tiêu chuẩn, đồng hiện hành với TCVN hiện hành còn hiệu lực	- Cây chống - Gõ nẹp - Gõ Ván
11.	Sơn các loại	Thông số kỹ thuật, quy cách, màu sắc theo bản vẽ thiết kế; Đảm bảo tiêu chuẩn TCVN hiện hành còn hiệu lực	Sơn các loại
12.	- Dây dẫn điện - Cáp điện	Thông số kỹ thuật, quy cách, màu sắc theo bản vẽ thiết kế; Đảm bảo tiêu chuẩn TCVN hiện hành còn hiệu lực	- Dây dẫn điện, Cáp điện
13.	Công tắc, ổ cắm. Ống nhựa và phụ kiện bảo hộ	Thông số kỹ thuật, quy cách, màu sắc theo bản vẽ thiết kế; Đảm bảo tiêu chuẩn TCVN hiện hành còn hiệu lực	Công tắc, ổ cắm. Ống nhựa và phụ kiện bảo hộ
14.	Đèn các loại	Thông số kỹ thuật, quy cách, màu sắc theo bản vẽ thiết kế; Đảm bảo tiêu chuẩn TCVN hiện hành còn hiệu lực.	Đèn các loại
15.	Thiết bị vệ sinh và phụ kiện	Thông số kỹ thuật, quy cách, màu sắc theo bản vẽ thiết kế; Đảm bảo tiêu chuẩn TCVN hiện hành còn hiệu lực	Thiết bị vệ sinh và phụ kiện
16.	Tôn	Thông số kỹ thuật, quy cách, màu sắc theo bản vẽ thiết kế; Đảm bảo tiêu chuẩn TCVN hiện hành còn hiệu lực	Tôn
17.	Ống, cắt, côn, chéch, tê...PVC, PPR và phụ kiện các loại	Thông số kỹ thuật, quy cách, màu sắc theo bản vẽ thiết kế; Đảm bảo tiêu chuẩn TCVN hiện hành còn hiệu lực	Ống, cắt, côn, chéch, tê...PVC, PPR và phụ kiện các loại
18.	Vật liệu khác	Theo thiết kế được duyệt	

4. Các yêu cầu về trình tự thi công, lắp đặt:

- Nhà thầu phải tuân thủ các trình tự thi công theo thiết kế, và các yêu cầu

trình tự thi công của Chủ đầu tư. Tất cả các hạng mục của gói thầu xây lắp phải được thi công theo đúng hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt và theo quy trình thi công và nghiệm thu hiện hành của Nhà nước. Trước khi khởi công công trình nhà thầu phải lập biện pháp thi công và gửi Chủ đầu tư để theo dõi và giám sát.

- Đối với từng hạng mục công việc chính nhà thầu phải:

+ Trích dẫn tiêu chuẩn qui phạm thi công.

+ Mô tả phương án thi công chính.

+ Quy trình và thủ tục nghiệm thu.

+ Biện pháp đảm bảo chất lượng thi công.

*** Yêu cầu về cung cấp, lắp đặt hàng hóa**

- Các yêu cầu về chủng loại, tiêu chuẩn hàng hóa (quốc gia và quốc tế được công nhận) nêu trong Hồ sơ mời thầu là thông số tối thiểu phải đạt được, nhà thầu có thể chào bất cứ hàng hóa của nhà sản xuất nào, nhưng phải có tiêu chuẩn, tính năng kỹ thuật, hình thức mỹ thuật đáp ứng đầy đủ yêu cầu thiết kế.

- Tất cả hàng hóa cung cấp cho gói thầu phải là hàng mới 100% sản xuất năm 2025-2026 trở lại đây, đảm bảo:

+ Đồng bộ.

+ Nguồn gốc xuất xứ rõ ràng

+ Đảm bảo đúng yêu cầu thiết kế về kích thước hình học (dài x rộng x cao x dày), chủng loại, vật liệu, màu sắc, số lượng, khối lượng

+ Có Báo cáo vật liệu, có chứng nhận đầy đủ về tiêu chuẩn bảo đảm an toàn với môi trường và người sử dụng.

+ Phù hợp với các tiêu chuẩn chất lượng hiện hành của Việt Nam.

+ Đối với hàng hóa nhập khẩu phải có chứng nhận về vật liệu, phụ liệu đáp ứng đầy đủ yêu cầu an toàn với môi trường và với người sử dụng (Trong trường hợp tài liệu không dùng ngôn ngữ Tiếng Việt, nhà thầu phải cung cấp bản Công chứng dịch các tài liệu trên sang tiếng Việt).

+ Việc đóng gói, vận chuyển hàng hóa không cong vênh, gãy vỡ... không có các tác động khác gây ảnh hưởng đến việc sử dụng thông thường của hàng hóa.

- Thời gian bảo hành của hàng hóa đi kèm theo từng loại hàng hóa và nhà sản xuất, nhưng tối thiểu là 01 năm kể từ ngày nghiệm thu, đối với các thiết bị có thời gian bảo hành lâu hơn 12 tháng từ hãng sản xuất, nhà thầu lắp đặt có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các giấy tờ bảo hành riêng của nhà sản xuất đến chủ đầu tư.

- Việc lắp đặt các thiết bị phải theo đúng yêu cầu thiết kế, đồng bộ, chắc chắn và đảm bảo tính thẩm mỹ cao.

- Nhà thầu phải hướng dẫn cách sử dụng, chuyển giao công nghệ và cung cấp các tài liệu cần thiết về cách sử dụng và bảo dưỡng cho Chủ đầu tư và kịp thời sửa chữa hư hỏng, thay thế các sản phẩm trong thời gian còn bảo hành.

*** Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể**

a. Yêu cầu chung:

- Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu, hoặc thông số kỹ thuật độc quyền của nhà sản xuất nào đó (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật dưới đây để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu, thông số kỹ thuật phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng "tương đương, tương tự về chủng loại, tính chất: có cùng chủng loại, tương tự về đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng với hàng hóa của gói thầu đang xét hoặc "ưu việt hơn, cao hơn" so với các yêu cầu tối thiểu.

b. Yêu cầu chi tiết:

- Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa như sau:

+ Tất cả hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu phải nêu rõ xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm, hãng sản xuất, thông số kỹ thuật. Tất cả các tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa nếu sử dụng bằng tiếng nước ngoài phải kèm theo bản dịch Tiếng Việt của cơ sở dịch thuật hợp pháp hoặc bản dịch Tiếng Việt được đóng dấu xác nhận của nhà sản xuất, nhà đăng ký, nhà nhập khẩu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung bản dịch so với bản gốc và tính pháp lý của tài liệu này.

+ Cam kết các thiết bị hàng hóa mới 100% chưa qua sử dụng, sản xuất năm 2025-2026 trở lại đây, nguyên đai, nguyên kiện, đóng gói theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

(Trường hợp nhà thầu không có tài liệu chứng minh (kể cả sau khi làm rõ/đối chiếu) thông tin kê khai là đúng, Tổ chuyên gia, bên mời thầu có thể xem xét đánh giá việc kê khai không trung thực của Nhà thầu theo quy định).

Ghi chú:

- Tất cả nội dung yêu cầu liên quan đến thương hiệu, mã hiệu, model, nguồn gốc (nếu có) trong E-HSMT chỉ mang tính tham khảo cho nhà thầu nhằm thuận lợi hơn trong quá trình đề xuất sản phẩm cho gói thầu;

- Nhà thầu không bắt buộc phải chào theo yêu cầu về thương hiệu, mã hiệu, model, nguồn gốc (nếu có).

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

Stt	Tài sản	Thông số kỹ thuật yêu cầu	ĐVT	Số lượng
1	Micro không dây	- Loại: Micro không dây - Tự động dò sóng sạch: Có - Thu phát sóng ổn định, chống hú rít cao: Có - Tần số sóng mang: 470mHz – 694mHz - Spurious Emission: 40dBC - Công suất phát: 5dBm - Khoảng cách các kênh: < 200kHz - Sử dụng pin: size AA 1.5V - Điện áp: 220V / 50Hz	Bộ	1
2	Đầy Công Suất 2 kênh, Công suất 650W	- Mạch khuếch đại: Class AB cao cấp - Số kênh: 2 kênh - Công nghệ Sò: Công nghệ Sò cao cấp mới nhất đến từ KOREA hoặc tương đương - Công suất: Stereo 8Ω: 2 x 650W, Stereo 4Ω: 2 x 1200W - Tần số hoạt động: 20Hz – 20kHz ± 0.5dB - Phản xạ tiếng ồn (tỷ lệ tín hiệu nhiễu): 110dB - THD + N (Công suất định mức, 40/kHz)%: <0.05% - Hệ số giảm chấn (Hệ số suy): 300 - Điều khiển âm lượng cho từng kênh: Stereo/Parallel/Bridge	Chiếc	2
3	Loa (bass 30cm)	- Loại loa: Chuyên dùng cho gia đình, Phòng hát - Bass loa: bass 30cm (12 inch) - Loa Treble: 1 inch (2.54 cm) - Công suất RMS: 300W - Công suất Max: 600W - Công suất Peak: 1200W	Cặp	2

		- Diện tích sử dụng: 20m² - 30m² - Độ nhạy (SPL): 97 dB - Tần số đáp tuyến: 55 Hz – 20 kHz - Trở kháng: 8 ohms - Góc phủ âm (Ngang × Dọc): 100° × 70° - Kiểu loa: Không công suất (Passive) - Số đường tiếng: 2 đường tiếng - Dáng loa: Loa fullrange (phổ thông) - Ứng dụng mở rộng: Karaoke, Sân khấu, Quán cafe, Hội trường - Cổng kết nối: Neutrik - Màu sắc: Đen - Chất liệu: Gỗ ép - Độ nhạy tối đa: 124 dB - Tần số chéo: 2 kHz - Kích thước (N × C × S): 366mm × 596mm × 409mm - Trọng lượng: 21,15kg		
4	Vang Số	- Chip xử lý: DSP cao cấp - Cổng Microphone: CANON và 6.5mm - Cổng Output: Canon Balance - Kết nối: USB, Bluetooth, RCA, Optical, HDMI - Nguồn điện: AC 90-240V/50Hz - Kích thước: 482mm x 280mm x 45mm - Trọng lượng: 4kg	Chiếc	1
5	Bộ Quản Lý Nguồn	- Loại phụ kiện: Bộ ổn định nguồn - Nguồn điện chuyển ra: AC 220V, 50Hz - Thời gian delay: 1s - Nguồn điện: 50 VAC / 60Hz ~ 30A	Chiếc	1

		- Kích thước (RxCxS): 48 × 5 × 29,5 (cm) - Trọng lượng: 3,9kg		
6	Tủ mạng	- Kích thước: H830 × W600 × D600 - Chuẩn rack 19 inch - Khung bất thiết bị dày 1,5mm - Cửa trước: cửa cánh lưới, có khóa an toàn - Cửa sau: cửa cánh tôn, có khóa an toàn - 01 quạt thông gió - 01 ổ cắm 3 chấu - 04 bánh xe điều hướng - Màu đen	Chiếc	1
7	Giá treo loa, dây thiết bị, dây loa	- Sản phẩm được trang bị bốn lỗ bắt vít giúp cố định chắc chắn và một lỗ đi dây tích hợp, mang lại kết nối gọn gàng, kín đáo.	chiếc	2
8	Micro Cổ Ngỗng	- Chiều dài cần mic: 18 inch (45cm) - Dải tần số: 50 đến 17,000 Hz - Mẫu cực: Cardioid - Trở kháng: 150 Ohms - Độ nhạy: -45.7 dB (20.0 mV) - Mức áp suất âm tối đa: 129 dB - Nguồn điện: 11 đến 52 Vdc phantom, 2.0 mA - Tiếng ồn đầu ra tương đương (A-weighted ở tải 1kohm): 29 dB SPL - Tỷ lệ tín hiệu đến nhiễu (tham chiếu đến 94 dB SPL): 29 dB - Phạm vi động (ở mức tải 1 kohm): 100.0 dB - Từ chối chế độ chung: 45 dB tối thiểu - Mức cắt đầu ra Preamplifier (1 kHz ở 1% THD, tải 1 kohm): -12.0 dBV (0.25 V) - Phân cực: Áp suất âm dương trên cơ hoành tạo ra điện áp dương trên pin 2 liên quan đến pin 3 của đầu nối đầu ra.	Chiếc	11

		- Độ ẩm: 0 đến 95% - Kích thước: 305 × 11.68 mm		
9	Điều hòa 9000 BTU	- Loại máy: 1 chiều (chỉ làm lạnh) - Inverter: Có Inverter - Công suất làm lạnh: 1 HP - 9.500 BTU - Phạm vi làm lạnh hiệu quả: Dưới 15m² (từ 30 đến 45m³) - Độ ồn trung bình (được đo trong phòng thí nghiệm): Dàn lạnh: 36 dB - Dàn nóng: 52 dB - Dòng sản phẩm: 2025 - Thời gian bảo hành cục lạnh, cục nóng: 3 năm - Thời gian bảo hành máy nén: 12 năm - Chất liệu dàn tản nhiệt: Ống dẫn gas bằng Đồng mạ vàng - Lá tản nhiệt bằng Nhôm mạ vàng - Loại Gas: R-32	Chiếc	4
10	Điều hòa 12000 BTU	- Loại máy: 1 chiều (chỉ làm lạnh) - Inverter: Có Inverter - Công suất làm lạnh: 1.5 HP - 12.200 BTU - Phạm vi làm lạnh hiệu quả: Từ 15 - 20m² (từ 40 đến 60m³) - Độ ồn trung bình (được đo trong phòng thí nghiệm): Dàn lạnh: 36 dB - Dàn nóng: 52 dB - Dòng sản phẩm: 2025 - Thời gian bảo hành cục lạnh, cục nóng: 3 năm - Thời gian bảo hành máy nén: 12 năm - Chất liệu dàn tản nhiệt: Ống dẫn gas bằng Đồng mạ vàng - Lá tản nhiệt bằng Nhôm mạ vàng - Loại Gas: R-32	Cái	4
11	Điều hòa 24000 BTU	- Công suất lạnh: 21,500 BTU/h (5,630 – 24,200) - Diện tích phù hợp sử dụng: Dưới 40m²	Cái	4

		- Công nghệ nổi bật: iFeel, iSaving, Làm lạnh nhanh Turbo, Lọc khí 3 trong 1 - Hiệu suất năng lượng: 5 sao / CSPF: 4.19 - Nguồn điện: 220V~50Hz - Điện năng tiêu thụ: 2,600 W (440 – 2,800) - Môi chất lạnh: R32 / 750g - Lưu lượng gió dàn lạnh: 1,300 m³/h - Đường kính ống gas: 6.35 mm / 15.88 mm - Chiều dài đường ống chuẩn: 5m - Chênh lệch độ cao tối đa: 15m		
12	Tủ tài liệu	Mô tả: Chất liệu: gỗ công nghiệp cốt xanh chống ẩm vân gỗ dày 1,8cm Kiểu dáng: Tủ chia thành các ngăn chứa tài liệu; Phần khoảng dưới bố trí cửa gỗ kín. (KT1200x1800x400)	Cái	3
13	Tủ tài liệu	Mô tả: Chất liệu: gỗ công nghiệp cốt xanh chống ẩm vân gỗ dày 1,8cm Kiểu dáng: Tủ chia thành các ngăn chứa tài liệu; Phần khoảng dưới bố trí cửa gỗ kín. (KT1200x1800x400)	Cái	7
14	Tủ áo	- Mô tả: Tủ 2 cánh Chất liệu: gỗ công nghiệp cốt xanh chống ẩm vân gỗ dày 1,8cm (KT800x1800x600)	Cái	6
15	Kệ để đồ	Mô tả: Chất liệu: gỗ công nghiệp cốt xanh chống ẩm vân gỗ dày 1,8cm Kiểu dáng: Kệ có 4 cánh mở quay; chia thành các ngăn để đồ có kích thước khác nhau (KT1200x850x350)	Cái	4
16	"Giường ngủ	- Mô tả: Chất liệu: gỗ công nghiệp cốt xanh chống ẩm vân gỗ dày 1,8cm" (KT2000x1200x500)	Cái	1

17	Tap đầu giường	Mô tả: Chất liệu: gỗ công nghiệp cốt xanh chống ẩm vân gỗ dày 1,8cm (KT480x350x400)	Cái	1
18	Tủ để máy lọc nước	Mô tả: Chất liệu: gỗ công nghiệp cốt xanh chống ẩm vân gỗ dày 1,8cmx(KT1500x850x500)	Cái	2
19	Bộ bàn ăn inox	Mô tả: Chất liệu: Bàn và ghế inox (1 bàn và 6 ghế)	Bộ	10
20	Tủ lavabo	Mô tả: Chất liệu: gỗ công nghiệp cốt xanh chống ẩm vân gỗ dày 1,8cm (KT1500x850x500)	Cái	1
21	Tủ để đồ	Mô tả: Chất liệu: gỗ công nghiệp cốt xanh chống ẩm vân gỗ dày 1,8cm (KT1000x850x500)	Cái	2
22	SWITCH 24 port	Switch 24-Port 10/100Mbps + 2-Port Gigabit Unmanaged PoE+ TP-Link TL-SL1226P - 24 cổng PoE+ 10/100 Mbps RJ45 - 2 cổng Gigabit RJ45 và 2× khe Gigabit SFP kết hợp	Bộ	2,0
23	Patch panel 24 port	Patch Panel Cat6 UTP 24 port COMMScope - Đáp ứng tiêu chuẩn TIA/EIA 568-B.2 và ISO/IEC 11801 Class E. - Hỗ trợ Gigabit Ethernet, 10/100BASE-TX, ATM, ISDN, VoIP, video. - Hỗ trợ đầu dây T568A/B, dễ lắp đặt và kiểm tra. - Thiết kế module 6 cổng RJ45 thay thế được, gắn rack 19 inch. - Tiếp xúc jack: đồng phốt pho mạ vàng 1.27μm, - Kích thước 1U,	Bộ	2,0

24	SWITCH 8 port x10/100/100	Switch with 8-Port PoE+ TP-Link 8 x cổng RJ45 10/100/1000Mbps 2 x khe SFP 1000Mbps (Hỗ trợ tự động chuyển đổi MDI / MDIX) Mạng Media 10BASE-T: Cáp UTP loại 3, 4, 5 (tối đa 100 mét) 100BASE-TX/1000Base-T: Cáp UTP loại 5, 5e hoặc loại lớn hơn (tối đa 100 mét) 1000BASE-X: MMF, SMF Bộ cấp nguồn 100~240VAC, 50/60Hz Bộ chuyển đổi nguồn ngoài (đầu ra:48VDC/1.25A)	bộ	1,0
25	Patch panel 8 port	8 cổng Gigabit PoE TP-Link - Hỗ trợ kết nối 100 MHz. - Số lượng: 8 cổng RJ45 10/100/1000Mbps - Đàm phán TỰ ĐỘNG/TỰ ĐỘNG MDI/MDIX 8 Cổng PoE	bộ	2
26	Bộ phát Wifi	Bộ phát Wifi TP-LINK Cổng kết nối 1 x cổng WAN Gigabit + 4 x cổng LAN Gigabit Tính năng, hỗ trợ – Tốc độ WIFI: AX3000 + 5 GHz: 2402 Mbps (802.11ax, HE160) + 2.4 GHz: 574 Mbps (802.11ax) – Băng tần sóng: 2.4GHz & 5GHz – Chuẩn kết nối: Chuẩn AX (Wifi 6) – Anten: 4×Ăng-ten hiệu suất cao cố định – Tốc độ LAN: 10/100/1000Mbps – Công nghệ Mesh: Có – Nhu cầu sử dụng: Gia đình, Nhà hàng – Số thiết bị truy cập: 30-40 User – Nút nhấn: Nút Wi-Fi/WPS – Nút nguồn Bật/Tắt – Nút Reset – Lắp đặt: Để bàn – Kết nối và điều khiển: Ứng dụng Tether	bộ	2

		Nguồn cấp 12V DC/ 2A Kích thước 261.1 × 134.5 × 41.0 mm		
27	Cáp mạng máy tính cat6e	Đường kính dây: 23 AWG Chiều dài dây: 305m (1000 ft) Độ trễ truyền dẫn: ≤ 536ns/100m. - Điện trở dẫn: ≤ 9,38Ω/100m. - Nhiệt độ hoạt động: - 20oC đến 60oC; - Nhiệt độ lưu trữ: - 20oC đến 80oC; • - Lõi cáp được làm từ đồng nguyên chất, kích thước ≤ 24 AWG; - Vỏ bọc: + Vỏ ngoài: Polyethylene + Vỏ chống nhiễu: không + Vỏ cách điện: PVC)	m	710

5. Các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ:

Ngay sau khi nhận bàn giao mặt bằng nhà thầu phải:

5.1 Có nội quy định về việc phòng cháy, chữa cháy đặt tại công trình.

5.2 Bố trí đầy đủ các thiết bị phòng cháy, chữa cháy và phải thường xuyên kiểm tra, bổ sung kịp thời.

5.3 Có bố trí lực lượng phòng cháy chữa cháy đã qua tập huấn, đảm bảo luôn luôn có mặt kịp thời khi xảy ra sự cố.

6. Yêu cầu về vệ sinh môi trường;

Nhà thầu phải thực hiện tất cả các biện pháp phòng ngừa hợp lý nhằm tránh những tác hại đến môi trường sống và môi trường làm việc, gồm:

6.1 Chuẩn bị các phương tiện vệ sinh công cộng nhằm ngăn ngừa sự ô nhiễm về sinh thái hoặc ô nhiễm về công nghiệp tại hiện trường.

6.2 Phế thải xây dựng phải được dọn và vận chuyển kịp thời trong thời gian ngắn nhất chống ách tắc cản trở giao thông và môi trường cảnh quan khu vực. Nhà thầu phải tuân thủ các biện pháp bảo vệ môi trường, vận chuyển vật liệu và phế thải theo đúng quy định của Thành phố.

6.3 Có giải pháp để giảm tiếng ồn khi thi công, tuân thủ quy định về mức ồn tối đa cho phép trong công trình xây dựng theo tiêu chuẩn hiện hành.

7. Yêu cầu về an toàn lao động:

Nhà thầu phải đưa ra trong Hồ sơ dự thầu của mình các biện pháp an toàn lao động trong suốt quá trình thi công và biện pháp khắc phục khi có sự cố xảy ra. Trong đó cần nêu rõ biện pháp an toàn lao động trong từng loại công việc, biện pháp an toàn cho các khu vực có mạng điện nước và các xe, máy của Nhà thầu đi qua.

Nhà thầu phải có các giải pháp đảm bảo an toàn giao thông cho xe lưu thông qua công trường; các xe ra vào, thi công trên công trường...

8. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công:

Nhà thầu phải có giải pháp huy động nhân lực, máy móc thiết bị thi công để thực hiện gói thầu theo đúng các yêu cầu đề ra trong hồ sơ mời thầu

9. Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công tổng thể các hạng mục:

Nhà thầu phải có giải pháp thi công tổng thể, bố trí chung mặt bằng thi công trên công trường, giải pháp thi công chi tiết cho các hạng mục công trình.

10. Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của Nhà thầu:

Nhà thầu phải có hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu theo đúng quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ

về việc quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

Nhà thầu phải bố trí cán bộ giám sát chính trên công trường phụ trách công tác nghiệm thu nội bộ các hạng mục công trình và thực hiện công tác nghiệm thu theo đúng các qui định hiện hành.

2. Yêu cầu các thông số bảo hành

Các thông số/yêu cầu tối thiểu về bảo hành mà nhà thầu phải kê khai và đáp ứng được liệt kê chi tiết trong bảng sau:

TT	Các thông số/yêu cầu	Yêu cầu tối thiểu	Đề xuất của nhà thầu
I	YÊU CẦU VỀ BẢO HÀNH ĐỐI VỚI PHẦN XÂY LẮP (C)	≥ 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng	
II	YÊU CẦU VỀ BẢO HÀNH ĐỐI HÀNG HÓA (P)	≥ 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng	

E-HSDT có đề xuất về thông số bảo hành không đạt yêu cầu tối thiểu nêu trên sẽ bị loại và không được đánh giá các bước tiếp theo. Các chỉ tiêu bảo hành đề xuất trong từng E-HSDT sẽ được đánh giá theo nguyên tắc trên cùng một mặt bằng và tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Chương III của E-HSMT.

Phương án thay thế: E-HSMT có thể quy định theo phương án nêu giá trị thông số bảo hành điển hình theo thiết kế và cho phép nhà thầu chào các thông số bảo hành dao động xung quanh giá trị này nhưng không vượt quá mức tối thiểu, mức tối đa nào đó (*Ví dụ 5%*).

IV. Các bản vẽ

Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được Chủ đầu tư đính kèm hồ sơ thiết kế, các bản vẽ là tệp tin PDF cùng E-HSMT trên Hệ thống